

Số: 53 /KH-CCDS

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2025

UBND TỈNH KIÊN GIANG

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác truyền thông, giáo dục về dân số năm 2025

Số: 605
Ngày: 28/3/2025

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCHTW Đảng (Khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về Phê duyệt Kế hoạch truyền thông dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 135/CDS-KHTC ngày 27/2/2025 của Cục Dân số về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Quy định chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Chi cục Dân số xây dựng Kế hoạch triển khai hoạt động truyền thông, giáo dục về dân số năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung truyền thông duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng có hai con; tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường truyền thông nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, tăng cường truyền thông chuyển đổi hành vi về sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông mất cân bằng giới tính khi sinh, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, thay đổi nhận thức của người dân về dân số và phát triển. Góp phần thực hiện tốt các mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp để huy động sự tham gia và cam kết với công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, nâng mức sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế, phân bố dân cư hợp lý, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên góp phần vào sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Hàng năm các chỉ tiêu cần đạt được:

- 100% các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình dân số và phát triển.

- 100% các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành kịp thời văn bản chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến chương trình dân số và phát triển.

- 100% các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp cam kết bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác, sử dụng đúng mục tiêu kinh phí hỗ trợ từ địa phương.

- 100% các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nội dung về dân số và phát triển tại địa phương.

2.2. Mục tiêu 2: Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ trong cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con, góp phần nâng mức sinh để đạt mức sinh thay thế và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 90% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế và đạt 95% vào năm 2030.

- 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu biết đầy đủ về lợi ích của cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai và đạt 90% vào năm 2030.

- 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ sẵn sàng chấp nhận thực hiện kế hoạch hóa gia đình, cam kết sinh đủ hai con và đạt 90% vào năm 2030.

2.3. Mục tiêu 3: Truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh và đạt 95% vào năm 2030; 80% các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- 95% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 100% vào năm 2030.

- 95% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông và đạt 100% vào năm 2030.

- 95% các cơ quan truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng

giới tính khi sinh, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ, bình đẳng giới và đạt 100% vào năm 2030.

- 90% vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 95% vào năm 2030; 85% trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

2.4. Mục tiêu 4: Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, kỹ năng thực hành của mọi người dân về các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân nhất là đồng bào vùng có đông đồng bào là người dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tiến tới đẩy lùi tình trạng này góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 90% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, các nội dung liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và đạt 95% vào năm 2030.

- 85% nam, nữ thanh niên hiểu rõ được lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, các nội dung liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và đạt 90% vào năm 2030.

- 85% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống và đạt 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hiểu biết đầy đủ hậu quả của tảo hôn, kết hôn cận huyết thống đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- 85% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh và đạt 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- 50% phụ nữ mang thai đồng ý tham gia tầm soát trước sinh và đạt 70% vào năm 2030.

- 70% bà mẹ đồng ý tầm soát sơ sinh và đạt 90% vào năm 2030.

2.5. Mục tiêu 5: Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên, thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số và phát triển, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn ở nhóm đối tượng này.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 90% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông và đạt 100% vào năm 2030.

- 85% trẻ em vị thành niên/thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn... và đạt 90% vào năm 2030.

- 80% trẻ em vị thành niên/thanh niên hiểu và có kỹ năng thực hành về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình... và đạt 85% vào năm 2030.

- 70% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và đạt 80% vào năm 2030.

2.6. Mục tiêu 6: Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 75% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

- 75% người cao tuổi hiểu và áp dụng các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp, chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, đi khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

- 85% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ và đạt 95% vào năm 2030.

II. YÊU CẦU

1.1. Đổi mới toàn diện về nội dung, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng các cấp; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

1.2. Nội dung truyền thông giáo dục phải chuyển mạnh sang dân số và phát triển; đẩy mạnh truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; tuyên truyền đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế.

III. HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG

1. Tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng sinh, tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ đến năm 2030. Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự

nhiên, tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; nâng cao thể lực, tầm vóc, chất lượng dân số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

2. Cung cấp thông tin, tuyên truyền về kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế của việc triển khai các chương trình, đề án, dự án, mô hình, kế hoạch về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh để tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của ban, ngành, đoàn thể, cá nhân, tổ chức và sự ủng hộ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân.

- Truyền thông đại chúng: Gặp gỡ và đối thoại chương trình truyền hình, phát thanh, bài viết, phóng sự về dân số và phát triển.

- Truyền thông xã hội (Facebook, Zalo, YouTube): Sử dụng các nền tảng mạng xã hội để chia sẻ thông tin, video hướng dẫn.

- In ấn (tờ rơi, poster, sách hướng dẫn): Phát hành tài liệu giáo dục dễ hiểu về dân số và phát triển, lợi ích của chúng và các dịch vụ y tế liên quan.

3. Đẩy mạnh các đợt truyền thông cao điểm về những vấn đề dân số ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của đất nước và địa phương: chênh lệch mức sinh đáng kể giữa các vùng, đối tượng và nguy cơ không đạt được mục tiêu duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh; tốc độ già hóa dân số nhanh dẫn đến dân số già là thách thức lớn cho phát triển kinh tế và an sinh xã hội; tỷ số giới tính khi sinh vẫn còn cao; chất lượng dân số, nhất là tại vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào là người Khmer còn hạn chế và một số nội dung quan trọng khác sẽ tác động trực tiếp đến đời sống, xã hội và sự phát triển bền vững của tỉnh cả trong hiện tại và tương lai.

4. Thực hiện 6 nội dung truyền thông chủ yếu tập trung vào các chương trình, đề án sau:

4.1. Phấn đấu đạt mức sinh thay thế

Tuyên truyền, vận động về lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn, sinh ít con đối với phát triển đất nước; tập trung vận động nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi và sinh đủ 2 con trước 35 tuổi.

4.2. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

- Truyền thông về thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh và các giải pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới, không lựa chọn giới tính thai nhi; truyền thông nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Tiếp tục truyền thông, giáo dục về các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Chú trọng tuyên truyền, phổ biến các Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình; Luật hôn nhân và gia đình.

4.3. Thích ứng với già hóa dân số và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tuyên truyền vận động về cơ hội, thách thức và thích ứng với già hóa dân số, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của ban, ngành, đoàn thể và hưởng ứng của toàn xã hội; đẩy mạnh truyền thông đa chiều hành vi tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi bảo đảm thích ứng với già hóa dân số. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi; các nội dung rèn luyện thân thể, phòng các bệnh thường gặp ở người cao tuổi, giúp người cao tuổi tự phòng bệnh, tự chăm sóc nâng cao sức khỏe; người cao tuổi chủ động và tích cực tham gia khám sức khỏe định kỳ.

4.4. Nâng cao chất lượng dân số

- Tuyên truyền về lợi ích và tầm quan trọng của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam/nữ thanh niên; thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, vận động người dân tự nguyện tham gia.

- Tuyên truyền về thực trạng, hệ lụy của việc tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo; hậu quả của việc mang thai ở người chưa thành niên. Tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội trong việc thực hiện giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tập trung ưu tiên cung cấp kiến thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với các nhóm đối tượng đặc thù (vị thành niên, thanh niên, người lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất...) góp phần giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, dự phòng vô sinh và nâng cao chất lượng dân số.

4.5. Phân bố dân số hợp lý

Tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của người di cư, phát huy các yếu tố tích cực của quá trình di cư, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của nơi đi và nơi đến, góp phần chăm sóc và nâng cao chất lượng dân số, nhất là vùng nhập cư.

4.6. Tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, lồng ghép biến dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung truyền thông vận động về cơ hội và thách thức của cơ cấu dân số vàng, phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững và thích ứng với già hóa dân số.

IV. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

1. Chi cục Dân số tỉnh

- Xây dựng kế hoạch thực hiện truyền thông, giáo dục về Dân số và phát triển; Sản xuất các Bản tin về Dân số và Phát triển, nhân bản, cung cấp tài liệu, tờ rơi, băng rôn, tranh tuyên truyền cho cơ sở.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng sự kiện: Tuyên truyền, vận động tham gia cuộc thi về công tác dân số do Trung ương tổ chức; kỷ niệm ngày Thalassemia 08/5, ngày Dân số Thế giới 11/7,

ngày Tránh thai Thế giới 26/9, ngày Quốc tế Người cao tuổi 01/10, ngày Quốc tế Trẻ em gái 11/10, Tháng hành động Quốc gia về Dân số và ngày Dân số Việt Nam 26/12/2025.

- Phối hợp thực hiện về hoạt động truyền thông dân số và phát triển năm 2025 với các phương tiện thông tin đại chúng, Báo Kiên Giang, Đài PTTH Kiên Giang, Sở Giáo dục & Đào tạo, trường Chính trị, Hội Nông dân, Hội LH Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Người cao tuổi tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức các hoạt động lồng ghép truyền thông, giáo dục về Dân số & Phát triển, sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số, tổ chức tuyên truyền về Dân số & phát triển.

- Mở lớp giáo dục truyền thông, hội nghị cung cấp thông tin, tập huấn về SKSS/KHHGD cho phụ nữ, thanh niên, nông dân, cộng tác viên, tuyên truyền viên tại cơ sở lồng ghép với truyền thông dân số và phát triển.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố xây dựng mới các cụm panô tuyên truyền về Dân số và phát triển bền vững; Sản xuất nhân bản các sản phẩm truyền thông, cung cấp tài liệu, tờ rơi, băng rôn, tranh tuyên truyền cho cơ sở.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động truyền thông tại địa phương theo định kỳ và đột xuất tại huyện và xã, phường, thị trấn.

- Chi cục Dân số tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi, tổng hợp và báo cáo về Sở Y tế và Cục Dân số theo quy định.

2. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch của Chi cục Dân số, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế của địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác truyền thông, giáo dục về dân số. Hướng dẫn xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông năm 2025 trên địa bàn quản lý.

- Chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp các ban, ngành, đoàn thể, thực hiện việc phối hợp lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào chương trình hoạt động chính trong năm 2025. Chú trọng đến các hình thức tuyên truyền trực quan tạo bề nổi như treo băng rôn, khẩu hiệu, cờ phướn, panô, áp phích tại trụ sở Trung tâm Y tế huyện, thành phố và những nơi quy định.

- Phối hợp với Chi cục Dân số tỉnh xây mới các cụm pa nô tuyên truyền về dân số và phát triển. Tổ chức các hoạt động truyền thông tại các huyện, thành phố như: mít tinh, lễ kỷ niệm, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi gắn với biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình, tiêu biểu nhân các ngày sự kiện về dân số.

- Tham gia các cuộc thi về chủ đề dân số và phát triển bền vững trên mạng do tỉnh và Trung ương tổ chức.

- Tổ chức kỷ niệm ngày Dân số Thế giới 11/7 gắn với sơ kết công tác Dân số 6 tháng đầu năm 2025. Tổ chức kỷ niệm 64 năm ngày Dân số Việt Nam 26/12 và Tháng hành động Quốc gia về Dân số gắn với tổng kết công tác Dân số năm 2025. Phát động viên chức Trung tâm Y tế và viên chức dân số các xã, phường, thị trấn tham gia viết tin bài tuyên truyền về các hoạt động dân số và phát triển tại địa

phương gửi tin, bài, ảnh về Sở Y tế (Chi cục Dân số) để sản xuất các bản tin Dân số & phát triển, tài liệu truyền thông tuyến tỉnh.

- Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá công tác truyền thông. Thực hiện đầy đủ các báo cáo hoạt động truyền thông về lĩnh vực Dân số và phát triển, cụ thể: Báo cáo truyền thông Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm, kết số liệu vào ngày 15 của tháng cuối quý (**gửi về tỉnh trước ngày 18 của tháng cuối quý**); Báo cáo chuyên đề về các ngày kỷ niệm và các sự kiện (gửi về tỉnh theo yêu cầu văn bản hướng dẫn từng thời điểm);

3. Kinh phí

Thực hiện từ nguồn kinh phí Ngân sách cấp năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác truyền thông, giáo dục về dân số năm 2025. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, phản ánh về Chi cục Dân số để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Cục Dân số;
- Lãnh đạo Sở Y tế (b/c);
- Các Sở, ban ngành phối hợp;
- TT Y tế các huyện, thành phố;
- Trang VPĐT;
- Lưu : VT, tvnghi.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Mộng Thu

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 53/KH-CCDS ngày, 28 tháng 3 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;..... P. Dân sự
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);
.....
- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);
.....
- Ngày,..... tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết.....



2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);
.....
- Ngày,.... tháng,..... năm cho ý kiến.....

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;
.....
- Ngày,..... tháng năm đề xuất ý kiến.....